

Số: 479 /QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 11 tháng 04 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố mới Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt
Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp
- hộ tịch thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2228/QĐ-BTP ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký quản lý hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo Tờ trình của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố mới kèm theo Quyết định này Danh mục **49** (Bốn mươi chín) thủ tục hành chính (TTHC) (02 TTHC thực hiện tại cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ

tịch điện tử; 19 TTHC cấp huyện; 28 TTHC cấp xã) và phê duyệt 49 quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC lĩnh vực tư pháp - hộ tịch thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3547/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục TTHC thuộc lĩnh vực tư pháp - hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Giám đốc Sở Tư pháp căn cứ Quyết định này thông báo và đăng tải công khai Danh mục TTHC thực hiện tại Bộ phận Một cửa; danh mục TTHC thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích; danh mục TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý. Truy cập địa chỉ <http://csdl.dichvucong.gov.vn> để khai thác, sử dụng dữ liệu TTHC được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia, cung cấp nội dung TTHC cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và niêm yết, công khai TTHC theo quy định. Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng quy trình điện tử giải quyết TTHC tại phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh, huyện, xã theo quy định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm triển khai Quyết định này đến các xã, phường, thị trấn trên địa bàn huyện.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC-Văn phòng CP (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- TT PVHCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, THNV.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature in blue ink]

Nguyễn Quỳnh Thiện

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI LĨNH VỰC
TƯ PHÁP- HỘ TỊCH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP
(Kèm theo Quyết định số 479 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI

STT	Tên, mã số THC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI CƠ QUAN QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ							
1	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch 2.002516	Một phần	03 ngày. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận Một cửa cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử	Lệ phí: 8.000 đồng/Văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử	- Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh; - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
2	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch 2.000635	Một phần	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận Một cửa cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch	8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch.	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh	ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT- BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN							
I	Lĩnh vực hộ tịch							
1	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố	Một phần	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Không	UBND cấp huyện	- Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	nước ngoài 2.000528		sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.				Cổng DVC tỉnh; - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh Quy định về lệ phí hộ tịch.
2	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài 2.000806	Một phần	15 ngày	Bộ phận Một cửa cấp huyện	1.500.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-	UBND cấp huyện	- Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh. - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh Quy định về lệ phí hộ tịch

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.			
3	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài 1.001766	Một phần	Ngay trong ngày; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải	Bộ phận Một cửa cấp huyện	50.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. -Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016	UBND cấp huyện	- Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh; - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			quyết không quá 03 ngày làm việc.		của Bộ Tài chính.			tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; Thông tư số 85/2019/TT- BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT- BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.- Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh Quy định về lệ phí hộ tịch.
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài 2.000779	Một phần	15 ngày	Bộ phận Một cửa cấp huyện	1.500.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản	UBND cấp huyện	- Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh; - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện; - Nộp qua dịch vụ bưu chính	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.		công ích.	thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;
5	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài 1.001695	Một phần	15 ngày	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Khai sinh: 75.000đ Nhận cha, mẹ, con: 1.500.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản	UBND cấp huyện	- Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh; - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.			10/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh Quy định về lệ phí hộ tịch.
6	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài 1.001669	Một phần	05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử, 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên.	Bộ phận Một cửa cấp huyện	75.000 đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-	UBND cấp huyện	- Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh; - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.			87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;
7	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài 2.000756	Một phần	02 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	75.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	UBND cấp huyện	- Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh; - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh Quy định về lệ phí hộ tịch.

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
8	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc 2.000748	Một phần	- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - 03 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ	Bộ phận Một cửa cấp huyện	28.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	UBND cấp huyện	- Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh; - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			tịch, xác định lại dân tộc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06 ngày làm việc.					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
9	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài 2.002189	Một phần	12 ngày	Bộ phận Một cửa cấp huyện	75.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	UBND cấp huyện	- Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh; - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
10	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài 2.000554	Một phần	12 ngày	Bộ phận Một cửa cấp huyện	75.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	UBND cấp huyện	- Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh; - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	
11	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt	Một phần	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Theo quy định - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách	UBND cấp huyện	- Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh;	

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch) 2.000547		hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc.		mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.		- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
12	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài 2.000522		05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận Một cửa cấp huyện	75.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	UBND cấp huyện	- Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh; - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
13	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân 1.000893	Một phần	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận Một cửa cấp huyện	75.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	UBND cấp huyện	- Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh; - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	
14	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài 2.000513	Một phần	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn	Bộ phận Một cửa cấp huyện	1.500.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách	UBND cấp huyện	- Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.		mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.		tỉnh; - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh Quy định về lệ phí hộ tịch.
15	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài 2.000497	Một phần	05 ngày làm việc; trường hợp phải tiến hành xác minh thời hạn không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận Một cửa cấp huyện	50.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-	UBND cấp huyện	- Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh; - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.			quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.
16	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài 2.000497	Một phần	05 ngày làm việc; trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận Một cửa cấp huyện	50.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	UBND cấp huyện	- Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh; - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh Quy định về lệ phí hộ tịch.

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
II Lĩnh vực Bồi thường nhà nước								
17	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại 2.002190	Một phần	- Trong trường hợp người yêu cầu bồi thường nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan giải quyết bồi thường tiếp nhận hồ sơ, ghi vào sổ nhận hồ sơ và cấp giấy xác nhận đã nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp hồ sơ	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Không	Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật TNBTCNN ở cấp huyện.	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện.	- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017. - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 về việc ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước.

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			được gửi qua dịch vụ bưu chính thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải thông báo bằng văn bản về việc nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trong thời hạn 03 ngày					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có thể yêu cầu người yêu cầu bồi thường bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			của Luật TNBCTN N năm 2017. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường, người yêu cầu bồi thường phải bổ sung hồ sơ. Khoảng thời gian có sự					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			kiện bắt khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật Dân sự không tính vào thời hạn quy định tại khoản này. - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			Điều 41 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 (Luật TNBTCN N năm 2017), cơ quan giải quyết bồi thường phải thụ lý hồ sơ và vào sổ thụ lý. - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ, cơ quan					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			giải quyết bồi thường phải cử người giải quyết bồi thường. - Trường hợp, người yêu cầu bồi thường đề nghị tạm ứng kinh phí bồi thường theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 41 của Luật TNBTCN N năm 2017, cơ quan giải					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			quyết bồi thường tiền hành tạm ứng kinh phí bồi thường đối với những thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCN N năm 2017. Cụ thể, thời hạn thực hiện tạm ứng kinh phí bồi thường được thực hiện như sau: (1) Ngay sau khi thụ lý					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			hồ sơ, người giải quyết bồi thường có trách nhiệm xác định giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCN N năm 2017 và đề xuất Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường việc tạm ứng kinh phí bồi thường và mức tạm					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			ứng cho người yêu cầu bồi thường; (2) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, nếu còn dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc tạm					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			ứng kinh phí và chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp không còn đủ dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, Thủ trưởng cơ quan giải					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			quyết bồi thường có văn bản đề nghị cơ quan tài chính có thẩm quyền tạm ứng kinh phí để chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Cơ quan tài chính có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường trong thời hạn 04					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan tài chính có thẩm quyền có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường. Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường quyết định mức tạm ứng					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			cho người yêu cầu bồi thường nhưng không dưới 50% giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCN N năm 2017. - Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			việc xác minh thiệt hại. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn xác minh thiệt hại là 20 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ. Thời hạn xác minh thiệt hại					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại làm căn cứ để thương lượng việc bồi thường. - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành báo					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			cáo xác minh thiệt hại, cơ quan giải quyết bồi thường phải tiến hành thương lượng việc bồi thường. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tiến hành thương lượng, việc thương lượng phải được hoàn thành.					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn thương lượng tối đa là 10 ngày. Thời hạn thương lượng có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			bồi thường nhưng tối đa là 07 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này. - Ngay sau khi có biên bản kết quả thương lượng thành, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường ra quyết định giải quyết bồi thường và					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			trao cho người yêu cầu bồi thường tại buổi thương lượng. Trường hợp người yêu cầu bồi thường không nhận quyết định giải quyết bồi thường thì người giải quyết bồi thường lập biên bản về việc không nhận					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			quyết định. Biên bản phải có chữ ký của đại diện các cơ quan tham gia thương lượng. Biên bản phải nêu rõ hậu quả pháp lý của việc không nhận quyết định giải quyết bồi thường theo quy định tại điểm đ khoản 1					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			Điều 51 của Luật TNBTCN N năm 2017. Cơ quan giải quyết bồi thường phải gửi cho người yêu cầu bồi thường trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.					
18	Thủ tục phục hồi danh dự	Một phần	10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến đồng ý của	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Không	cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện.	- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017. - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 về việc ban hành một số biểu mẫu

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			người bị thiệt hại hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự.			hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật TNBTCN N năm 2017 ở cấp huyện.		trong công tác bồi thường nhà nước
III Lĩnh vực phổ biến giáo dục pháp luật								
19	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính	Một phần	- Thời hạn UBND cấp xã xem xét, đề nghị UBND cấp huyện giải quyết	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Không.	UBND cấp huyện	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp huyện.	- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải ở cơ sở.

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải 2.000424		hồ sơ: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời hạn Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định hỗ trợ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời hạn UBND cấp xã chi					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			tiền hỗ trợ: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định của UBND cấp huyện.					
C	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ							
I	Lĩnh vực hộ tịch							
1	Đăng ký khai sinh 1.001193	Một phần	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được	Bộ phận Một cửa cấp xã	5.000đ - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người	UBND cấp xã	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.		khuyết tật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính..			Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh Quy định về lệ phí hộ tịch.
2	Đăng ký kết hôn 1.000894	Một phần	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện	Bộ phận Một cửa cấp xã	Miễn lệ phí.	UBND cấp xã	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc..					điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh Quy định về lệ phí hộ tịch

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con 1.001022	Một phần	03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	Bộ phận Một cửa cấp xã	15.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	UBND cấp xã	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh Quy định về lệ phí hộ tịch

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
4	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con 1.000689	Một phần	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	Bộ phận Một cửa cấp xã	Theo quy định. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	UBND cấp xã	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh Quy định về lệ phí hộ tịch.
5	Đăng ký khai tử 1.000656	Một phần	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong	Bộ phận Một cửa cấp xã	Theo quy định - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con	UBND cấp xã	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			ngày làm việc tiếp theo.		(nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.			của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh Quy định về lệ phí hộ tịch
6	Đăng ký khai sinh lưu động 1.003583	Một phần	05 ngày làm việc.	Tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	- Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: 5.000đ - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người	Trực tiếp tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh	

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					khuyết tật.			
7	Đăng ký kết hôn lưu động 1.000593	Một phần	05 ngày làm việc	Tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	Miễn lệ phí.	Trực tiếp tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	UBND cấp xã	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh Quy định về lệ phí hộ tịch.
8	Đăng ký khai tử lưu động 1.000419	Một phần	05 ngày làm việc.	Tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	Đăng ký khai tử không đúng hạn: 5.000đ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	Trực tiếp tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	UBND cấp xã	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
9	Đăng ký giám hộ 1.004837	Một phần	03 ngày làm việc.	Bộ phận Một cửa cấp xã	Miễn lệ phí. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	UBND cấp xã	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh Quy định về lệ phí hộ tịch.

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
10	Đăng ký chấm dứt giám hộ 1.004845	Một phần	02 ngày làm việc.	Bộ phận Một cửa cấp xã	Miễn lệ phí. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	UBND cấp xã	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh Quy định về lệ phí hộ tịch.

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
11	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch 1.004859	Một phần	- 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc. - Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường	Bộ phận Một cửa cấp xã	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước: 10.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số	UBND cấp xã	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.		281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.			Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.- Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh Quy định về lệ phí hộ tịch.

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
12	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân 1.004873	Một phần	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày.	Bộ phận Một cửa cấp xã	10.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	UBND cấp xã	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh Quy định về lệ phí hộ tịch.

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
13	Đăng ký lại khai sinh 1.004884	Một phần	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	Bộ phận Một cửa cấp xã	5.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	UBND cấp xã	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh Quy định về lệ phí hộ tịch.

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
14	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân 1.004772	Một phần	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận Một cửa cấp xã	5.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	UBND cấp xã	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh Quy định về lệ phí hộ tịch.

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
15	Đăng ký lại kết hôn 1.004746	Một phần	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận Một cửa cấp xã	20.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	UBND cấp xã	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh Quy định về lệ phí hộ tịch

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
16	Đăng ký lại khai tử 1.005461	Một phần	05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp xã	5.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	UBND cấp xã	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh Quy định về lệ phí hộ tịch.
17	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ	Một phần	Mười ba (13) ngày làm việc (không kể thời hạn được kéo dài thêm do cần phải bổ sung,	Bộ phận Một cửa cấp xã	Đối với việc đăng ký thường trú 5.000 đồng/lần đăng ký.	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã.	Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan Công an có thẩm quyền đăng ký thường trú; Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền cấp thẻ bảo hiểm y tế	- Luật Cư trú năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013); - Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế năm 2014); - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	em dưới 6 tuổi 2.000986		hoàn thiện hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng theo quy định), kể từ ngày nộp hồ sơ theo quy định.. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định cần phải hoàn thiện hồ sơ, bổ sung thì thời hạn giải quyết được kéo dài thêm				cho trẻ em.	một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 179/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú; - Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; - Thông tư số 41/2014/TTLT-BYT-BTC

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			không quá 02 ngày làm việc. Ủy ban nhân dân dân xã có trách nhiệm thông báo cho người dân biết và hẹn lại ngày trả kết quả.					ngày 24/11/2014 của Bộ Y tế và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Bảo hiểm y tế; - Công văn số 3170/BHXXH-BT ngày 24/8/2015 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc lập danh sách hộ gia đình tham gia BHYT. - Thông tư số 61/2014/TT-BCA ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú; - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú; - Thông tư 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								- Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 10/6/2015 của liên Bộ: Tư pháp, Công an, Y tế hướng dẫn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi. - Nghị quyết số 08/2008/NQ-HĐND ngày 24/7/2008 của HĐND tỉnh Trà Vinh khóa VII - kỳ họp thứ 17 về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng lệ phí đăng ký cư trú và lệ phí cấp giấy chứng minh nhân dân trong tỉnh Trà Vinh; - Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 12/8/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về ban hành hành chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng lệ phí đăng ký cư trú và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trong tỉnh Trà Vinh.
18	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ	Một phần	Mười ba (10) ngày làm việc (không kể thời hạn được kéo dài thêm do cần	Bộ phận Một cửa cấp xã	Không quy định.	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa	Ủy ban nhân dân cấp xã; Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em.	- Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 (được sửa đổi bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế năm 2014); - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	em dưới 6 tuổi 2.001023		phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng theo quy định), kể từ ngày nộp hồ sơ theo quy định.. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định cần phải hoàn thiện hồ sơ, bổ sung thì thời hạn giải quyết			cấp xã.		tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 179/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			được kéo dài thêm không quá 02 ngày làm việc. Ủy ban nhân dân dân xã có trách nhiệm thông báo cho người dân biết và hẹn lại ngày trả kết quả.					
19	Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và	Một phần	- Trường hợp liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng	Bộ phận Một cửa cấp xã	+ Đăng ký khai tử đúng hạn: không + Đăng ký khai tử không đúng hạn: 5.000 đồng	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã.	UBND cấp xã, Công an cấp xã, Công an cấp huyện, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Bảo	+ Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014; + Luật cư trú ngày 11/7/2013; + Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20/11/2014; + Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; + Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	trợ cấp mai táng)/hỗ trợ chi phí mai táng/huởn g mai táng phí 1.006714		chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng); liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng): Tối đa là 28 ngày trong đó thời gian giải quyết là 20 ngày; thời gian chuyển hồ sơ là				hiểm xã hội tỉnh.	11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc; + Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện; + Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; + Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc; + Thông tư số 01/2016/TT-BLĐTBXH ngày 18/02/2016 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện; + Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ, quy định chi tiết,

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			08 ngày. - Trường hợp liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng người có công với cách mạng từ trần; liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối					hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; + Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội, hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân. + Quyết định số 1380/QĐ-TTg ngày 18/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án thực hiện liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí”.

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			tượng người có công với cách mạng từ trần: Tối đa là 33 ngày, trong đó thời gian giải quyết là 25 ngày; thời gian chuyển hồ sơ là 08 ngày. - Trường hợp liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng); liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng):					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			Tối đa 12 ngày, trong đó thời gian giải quyết là 08 ngày; thời gian chuyển hồ sơ là 04 ngày. - Trường hợp liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng người trực tiếp					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, nhà nước theo Quyết định số 290/2005/ QĐ-TTg ngày 08/11/200 5, Quyết định số 188/2007/ QĐ-TTg ngày 06/12/200					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			7; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, nhà nước theo Quyết định số 290/2005/ QĐ-TTg ngày 08/11/200 5, Quyết định số 188/2007/ QĐ-TTg					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			ngày 06/12/200 7: Tối đa là 48 ngày, trong đó thời gian giải quyết là 40 ngày; thời gian chuyển hồ sơ là 08 ngày. - Trường hợp liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			tượng thực hiện theo Quyết định số 150/2006/ QĐ-TTg ngày 12/12/200 6 hướng dẫn thi hành một số điều của pháp lệnh cụ chiến binh; liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			theo Nghị định số 150/2006/ NĐ-CP ngày 12/12/200 6 hướng dẫn thi hành một số điều của pháp lệnh cứu chiến binh: Tối đa là 30 ngày, trong đó thời gian giải quyết là 24 ngày; thời gian chuyển hồ sơ là 06 ngày. - Trường hợp liên					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/ QĐ-TTg ngày 09/11/201 1 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc; liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			62/2011/ QĐ-TTg ngày 09/11/201 1 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu- chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc: Tối đa là 34					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			ngày, trong đó thời gian giải quyết là 26 ngày; thời gian chuyển hồ sơ là 08 ngày. - Trường hợp liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			định số 49/2015/ QĐ-TTg ngày 14/10/201 5 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hòa tuyên tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			vụ quốc tế; liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/ QĐ-TTg ngày 14/10/201 5 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			công hòa tuyên tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế: Tối đa là 34 ngày, trong đó thời gian giải quyết là 26 ngày; thời gian chuyển hồ sơ là 08 ngày.					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
20	Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú 1.007073	Một phần	+ Trường hợp xóa đăng ký thường trú thuộc thẩm quyền giải quyết của công an cấp huyện: Tối đa là 08 ngày, trong đó thời gian giải quyết là 04 ngày; thời gian chuyển hồ sơ là 04 ngày; + Trường hợp xóa đăng ký thường trú thuộc	Bộ phận Một cửa cấp xã	+ Đăng ký khai tử đúng hạn: không + Đăng ký khai tử không đúng hạn: 5.000 đồng	UBND cấp xã, Công an cấp xã, Công an cấp huyện.	- Thông qua hệ thống bưu chính; -Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã.	+ Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014; + Luật cư trú ngày 11/7/2013; + Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; + Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; + Quyết định số 1380/QĐ-TTg ngày 18/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyet “Đề án thực hiện liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí”.

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			thẩm quyền giải quyết của công an cấp xã: Tối đa là 04 ngày (chỉ tính thời gian giải quyết).					
21	Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)/hỗ trợ chi phí mai táng/huôn g mai táng phí	Một phần	- Trường hợp liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng); liên thông thủ tục đăng ký khai tử,			- Trường hợp liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng); liên thông thủ tục đăng ký khai tử,		

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	1.008983		hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng): Tối đa là 24 ngày trong đó thời gian giải quyết là 16 ngày; thời gian chuyển hồ sơ là 08 ngày.			hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng): Tối đa là 24 ngày trong đó thời gian giải quyết là 16 ngày; thời gian chuyển hồ sơ là 08 ngày.		
II	Lĩnh vực Bồi thường nhà nước							
22	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý	Một phần	- Trong trường hợp người yêu cầu bồi thường	Bộ phận Một cửa cấp xã	không.	Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã	- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017. - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	người thi hành công vụ gây thiệt hại.		nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan giải quyết bồi thường tiếp nhận hồ sơ, ghi vào sổ nhận hồ sơ và cấp giấy xác nhận đã nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính thì trong thời hạn 02 ngày làm			trong hoạt động quản lý hành chính quy định tại Điều 33 của Luật TNBTCN N năm 2017 ở cấp xã.		về việc ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải thông báo bằng văn bản về việc nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Thủ trưởng cơ					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			quan giải quyết bồi thường có thể yêu cầu người yêu cầu bồi thường bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 của Luật TNBTCN N năm 2017. Trong thời hạn 03 ngày					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường, người yêu cầu bồi thường phải bổ sung hồ sơ. Khoảng thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			quy định của Bộ luật Dân sự không tính vào thời hạn quy định tại khoản này. - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 41 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			2017 (Luật TNBTCN N năm 2017), cơ quan giải quyết bồi thường phải thụ lý hồ sơ và vào sổ thụ lý. - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải cử người giải quyết bồi					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			thường. - Trường hợp, người yêu cầu bồi thường đề nghị tạm ứng kinh phí bồi thường theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 41 của Luật TNBTCN N năm 2017, cơ quan giải quyết bồi thường tiến hành tạm ứng kinh phí bồi thường					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			đối với những thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCN N năm 2017. Cụ thể, thời hạn thực hiện tạm ứng kinh phí bồi thường được thực hiện như sau: (1) Ngay sau khi thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường có trách nhiệm					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			xác định giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCN N năm 2017 và đề xuất Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường việc tạm ứng kinh phí bồi thường và mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường; (2) Trong thời hạn 03 ngày					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, nếu còn dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc tạm ứng kinh phí và chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Trường					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			hợp không còn đủ dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có văn bản đề nghị cơ quan tài chính có thẩm					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			quyền tạm ứng kinh phí để chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Cơ quan tài chính có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			quan tài chính có thẩm quyền có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường. Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường quyết định mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường nhưng không dưới 50%					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCN N năm 2017. - Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc xác minh thiệt hại. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn xác minh thiệt hại là 20 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ. Thời hạn xác minh thiệt hại có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại, người giải quyết bồi					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			thường phải hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại làm căn cứ để thương lượng việc bồi thường. - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan giải quyết bồi thường					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			phải tiến hành thương lượng việc bồi thường. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tiến hành thương lượng, việc thương lượng phải được hoàn thành. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			tiết phức tạp thì thời hạn thương lượng tối đa là 10 ngày. Thời hạn thương lượng có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 07 ngày kể từ ngày hết thời					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			hạn quy định tại khoản này. - Ngay sau khi có biên bản kết quả thương lượng thành, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường ra quyết định giải quyết bồi thường và trao cho người yêu cầu bồi thường tại buổi thương lượng.					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			Trường hợp người yêu cầu bồi thường không nhận quyết định giải quyết bồi thường thì người giải quyết bồi thường lập biên bản về việc không nhận quyết định. Biên bản phải có chữ ký của đại diện các					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			cơ quan tham gia thương lượng. Biên bản phải nêu rõ hậu quả pháp lý của việc không nhận quyết định giải quyết bồi thường theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 51 của Luật TNBTCN N năm 2017. Cơ quan giải quyết bồi					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			thường phải gửi cho người yêu cầu bồi thường trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.					
III Lĩnh vực phổ biến giáo dục pháp luật								
23	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	Một phần	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận Một cửa cấp xã	Không	UBND cấp xã	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã.	- Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; - Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phổ biến, giáo dục pháp luật - Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
24	Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	Một phần	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận Một cửa cấp xã	Không	UBND cấp xã	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã.	- Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; - Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phổ biến, giáo dục pháp luật - Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.
25	Thủ tục công nhận hòa giải viên	Một phần	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận Một cửa cấp xã	Không	UBND cấp xã	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã.	- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT42P-UBTU'MTTQVN.
26	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	Một phần	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày	Bộ phận Một cửa cấp xã	Không	UBND cấp xã	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã.	- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT42P-UBTU'MTTQVN.

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			nhận đủ hồ sơ theo quy định.					
27	Thủ tục thôi hòa giải viên	Một phần	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hoặc báo cáo về việc thôi làm hòa giải viên.	Bộ phận Một cửa cấp xã	Không	UBND cấp xã	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã.	- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP- UBTUMTTQVN.
28	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Một phần	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận Một cửa cấp xã	Không	UBND cấp xã	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã.	- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải ở cơ sở.

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			theo quy định. Tổ hòa giải thực hiện trả thù lao cho hòa giải viên theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 01 ngày, kể từ ngày nhận được thù lao.					

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
1	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch 2.000635	Một phần	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận Một cửa cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch	8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch.	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Phụ lục II

**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC
TƯ PHÁP - HỘ TỊCH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP**

(Kèm theo Quyết định số 479 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI CƠ QUAN QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ**1. Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch**

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 03 (ngày làm việc) x 08 giờ = 24 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng, ban chuyên môn	Lãnh đạo	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý.	20 giờ			
		Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.				
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo Cơ quan	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

2. Cấp bản sao Trích lục hộ tịch

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 01 ngày x 08 giờ = 08 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng, ban chuyên môn	Lãnh đạo	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý.	04 giờ			
		Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.				
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo Cơ quan	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 01 (ngày làm việc) x 08 giờ = 08 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý.	04 giờ			
		Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.				
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng UBND cấp huyện	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

2. Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày x 08 giờ = 120 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
----------------	------------------	-----------------	-------------------	-------------	----------------	---------------	--------------

<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý.	116 giờ			
		Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.				
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng UBND cấp huyện	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

3. Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày x 08 giờ = 120 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý.	116 giờ			

		Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.				
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng UBND cấp huyện	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

4. Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 01 ngày x 08 giờ = 08 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý.	04 giờ			

		Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.				
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng UBND cấp huyện	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

5. Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày x 08 giờ = 120 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý.	116 giờ			
		Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.				

<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng UBND cấp huyện	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

6. Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày x 08 giờ = 120 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý.	116 giờ			
		Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.				
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng UBND cấp huyện	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

	cấp huyện						
--	-----------	--	--	--	--	--	--

7. Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 5 ngày x 08 giờ = 30 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý.	16 giờ			
		Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.				
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng UBND cấp huyện	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

8. Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 2 ngày x 08 giờ = 16 giờ

Bước thực	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn
-----------	------------------	-----------------	-------------------	--------	-----------	----------	---------

hiện				định	(2đ)	(1đ)	(0đ)
Bước 1	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
Bước 2	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý.	12 giờ			
		Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.				
Bước 3	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
Bước 4	Văn phòng UBND cấp huyện	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
Bước 5	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

9. Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 1 ngày x 08 giờ = 08 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
Bước 1	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
Bước 2	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý.	04 giờ			

		Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.				
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng UBND cấp huyện	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

10. Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 12 ngày x 08 giờ = 96 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý.	92 giờ			
		Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.				

<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng UBND cấp huyện	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

11. Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 12 ngày x 08 giờ = 96 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý.	92 giờ			
		Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.				
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng UBND cấp huyện	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				

<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				
---------------	---------------------------	-----------	-------------------------------------	--	--	--	--

12. Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 01 ngày x 08 giờ = 08 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý.	04 giờ			
		Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.				
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng UBND cấp huyện	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

13. Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày x 08 giờ = 40 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý.	36 giờ			
		Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.				
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng UBND cấp huyện	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

14. Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày x 08 giờ = 40 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả;	04 giờ			

	cấp huyện		- Chuyên hồ sơ.				
<i>Bước 2</i>	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý.	36 giờ			
		Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.				
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng UBND cấp huyện	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

15. Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày x 08 giờ = 40 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý.	36 giờ			

		Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.				
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng UBND cấp huyện	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

16. Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày x 08 giờ = 40 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý.	36 giờ			
		Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.				

<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng UBND cấp huyện	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

17. Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày x 08 giờ = 120 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý.	116 giờ			
		Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.				
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng UBND cấp huyện	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				

<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				
---------------	---------------------------	-----------	-------------------------------------	--	--	--	--

18. Thủ tục phục hồi danh dự

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 10 ngày x 08 giờ = 80 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý.	76 giờ			
		Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.				
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng UBND cấp huyện	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

19. Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 02 ngày x 08 giờ = 16 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho công chức xử lý.	12 giờ			
		Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.				
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng UBND cấp huyện	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Đăng ký khai sinh

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 01 ngày x 08 giờ = 08 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp cấp xã	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	04 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

2. Đăng ký kết hôn

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 01 ngày x 08 giờ = 08 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả;	04 giờ			

	cấp cấp xã		- Chuyên hồ sơ.				
<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	04 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

3. Đăng ký nhận cha, mẹ, con

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày x 08 giờ = 28 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp cấp xã	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	20 giờ			

<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

4. Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày x 08 giờ = 28 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	20 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

5. Đăng ký khai tử

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 01 ngày x 08 giờ = 08 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	04 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

6. Đăng ký khai sinh lưu động

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày x 08 giờ = 40 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Tại địa điểm tổ chức	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả;	04 giờ			

	đăng ký lưu động		- Chuyên hồ sơ.				
<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	36 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

7. Đăng ký kết hôn lưu động

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày x 08 giờ = 40 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyên hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	36 giờ			

<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

8. Đăng ký khai tử lưu động

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày x 08 giờ = 40 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	36 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

9. Đăng ký giám hộ**Tổng thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày x 08 giờ = 24 giờ**

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	20 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

10. Đăng ký chấm dứt giám hộ**Tổng thời gian thực hiện TTHC: 02 ngày x 08 giờ = 16 giờ**

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
-----------------------	-------------------------	------------------------	--------------------------	--------------------	-----------------------	----------------------	---------------------

<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	12 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

11. Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày x 08 giờ = 24 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	20 giờ			

<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

12. Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày x 08 giờ = 24 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	20 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

13. Đăng ký lại khai sinh**Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày x 08 giờ = 40 giờ**

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp cấp xã	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	36 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

14. Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân**Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày x 08 giờ = 40 giờ**

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp cấp xã	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			

<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	36 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

15. Đăng ký lại kết hôn

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày x 08 giờ = 40 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	36 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng HĐND và	Công chức	- Đóng dấu (nếu có);				

	UBND cấp xã		- Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

16. Đăng ký lại khai tử

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày x 08 giờ = 40 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	36 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

17. Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 13 ngày x 08 giờ = 104 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp cấp xã	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	100 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

18. Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 10 ngày x 08 giờ = 80 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp cấp xã	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			

<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	76 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

19. Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 33 ngày x 08 giờ = 264 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	260 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				

<i>Bước 4</i>	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

20. Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 04 ngày x 08 giờ = 24 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	20giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

21. Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 24 ngày x 08 giờ = 192 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	188 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

22. Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 20 ngày x 08 giờ = 160 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	152 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

23. Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày x 08 giờ = 24 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	20 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

24. Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 02 ngày x 08 giờ = 16 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	12 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

25. Thủ tục công nhận hòa giải viên

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày x 08 giờ = 24 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	20 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

26. Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày x 08 giờ = 24 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	20 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

27. Thủ tục thôi làm hòa giải viên**Tổng thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày x 08 giờ = 24 giờ**

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	20 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

28. Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên**Tổng thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày x 08 giờ = 24 giờ**

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	20 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				